

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ CHI TIẾT CÁC CĂN NHÀ Ở XÃ HỘI
DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG PHÚ QUÝ
(NHÀ Ở XÃ HỘI LIỀN KÈ KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG PHÚ QUÝ – LÔ S11 ĐẾN S19)
(Đính kèm Công văn số 10960 /SXD-QLN ngày 08/ 10 / 2026 của Sở Xây dựng)



Đvt: đồng, m²

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
	TỔNG						
	S13	30					
1	Căn 02	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
2	Căn 03	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
3	Căn 04	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
4	Căn 05	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
5	Căn 06	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
6	Căn 08	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
7	Căn 11	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
8	Căn 12	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
9	Căn 13	1	69,30	106,65	13.928.179	1.485.440.336	1.480.000.000
10	Căn 15	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
11	Căn 18	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
12	Căn 20	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
13	Căn 24	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
14	Căn 26	1	69,55	108,28	14.589.823	1.579.786.039	1.575.000.000
15	Căn 28	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
16	Căn 29	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
17	Căn 32	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
18	Căn 34	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
19	Căn 35	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
20	Căn 36	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
21	Căn 37	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
22	Căn 39	1	69,30	106,65	13.928.179	1.485.440.336	1.480.000.000
23	Căn 41	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
24	Căn 42	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
25	Căn 43	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
26	Căn 44	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
27	Căn 45	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
28	Căn 46	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
29	Căn 47	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
30	Căn 48	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
	S14	23					
31	Căn 01	1	69,55	109,16	15.054.940	1.643.397.287	1.630.000.000
32	Căn 02	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
33	Căn 03	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
34	Căn 04	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
35	Căn 05	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
36	Căn 06	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
37	Căn 07	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
38	Căn 10	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
39	Căn 14	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
40	Căn 21	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
41	Căn 23	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
42	Căn 26	1	69,55	109,16	14.654.917	1.599.730.778	1.585.000.000

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
43	Căn 27	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
44	Căn 28	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
45	Căn 29	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
46	Căn 34	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
47	Căn 35	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
48	Căn 36	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
49	Căn 40	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
50	Căn 41	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
51	Căn 44	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
52	Căn 46	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
53	Căn 47	1	69,30	106,98	13.334.186	1.426.491.203	1.415.000.000
	S15	9					
54	Căn 03	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
55	Căn 05	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
56	Căn 08	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
57	Căn 09	1	69,30	106,65	13.928.179	1.485.440.336	1.480.000.000
58	Căn 17	1	69,55	108,28	14.589.823	1.579.786.039	1.575.000.000
59	Căn 19	1	69,30	106,65	14.266.741	1.521.547.920	1.520.000.000
60	Căn 20	1	69,30	106,65	14.266.741	1.521.547.920	1.520.000.000
61	Căn 28	1	69,30	106,65	14.266.741	1.521.547.920	1.520.000.000
62	Căn 33	1	69,30	106,65	14.266.741	1.521.547.920	1.520.000.000
	S16	17					
63	Căn 05	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
64	Căn 08	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
65	Căn 11	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
66	Căn 13	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XÂY DỰNG	GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN ÁP DỤNG 1 CĂN (VAT)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
67	Căn 16	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
68	Căn 17	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
69	Căn 18	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
70	Căn 21	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
71	Căn 22	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
72	Căn 23	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
73	Căn 24	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
74	Căn 25	1	69,30	106,65	13.654.792	1.456.283.598	1.455.000.000
75	Căn 36	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
76	Căn 37	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
77	Căn 43	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
78	Căn 47	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
79	Căn 48	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
	S19	6					
80	Căn 03	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
81	Căn 05	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
82	Căn 11	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
83	Căn 13	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
84	Căn 14	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000
85	Căn 15	1	69,30	106,65	13.246.827	1.412.774.050	1.410.000.000